**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN N, TỈNH N**

Án số: 42/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 3 - 2019
V/v anh Q xin ly hôn chị G

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Chỉnh

2. Ông Đào Văn Rạng

**- Thư ký phiên toà**: Ông Trần Trọng Ích - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh N.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh N tham gia phiên tòa**: Ông Trần Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2018/TLST-HNGĐ ngày 15/5/2018. Về vụ án Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2018/QĐXXST-DS ngày 06/11/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19/11/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18/12/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18/01/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18/02/2019 giữa :

+ Nguyên đơn: Anh Lương Ngọc Q - Sinh năm 1993

Địa chỉ: Xóm 7 Tân Liêu, xã N, huyện N, tỉnh N

+ Bị đơn: Chị Đinh Thị G- Sinh năm 1998

Địa chỉ: Xóm 7 Tân Liêu, xã N, huyện N, tỉnh N

Tại phiên tòa có mặt anh Q, vắng mặt chị G.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện lập ngày 04/4/2018 cũng như lời khai của anh Lương Ngọc Q trong quá trình giải quyết trình bày: Anh kết hôn với chị Đinh Thị G vào

tháng 01/2016 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh N. Sau khi kết hôn anh và chị G sống chung hòa thuận đến năm 2017, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2018, nguyên nhân là do anh và chị G bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra cãi chửi nhau. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa anh và chị G không được cải thiện. Từ tháng 10/2018 chị G bỏ về nhà mẹ đẻ ở và sống ly thân với anh từ đó đến nay. Trong quá trình giải quyết chị G cố tình vắng mặt và cung cấp địa chỉ không đúng ở quận Cầu Giấy thành phố Hà Nội và yêu cầu chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy thành phố Hà Nội để giải quyết chỉ là gây khó khăn cho anh. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị G không còn nên anh xin được ly hôn chị G. Về con chung và tài sản chung giữa anh và chị G không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay chị Đinh Thị G vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết chị G có đơn đề nghị trình bày: Chị không chấp nhận đơn ly hôn của anh Q, lý do anh Q còn trẻ, không chịu khó làm ăn, do không được đáp ứng về tiền bạc để ăn chơi nên cố tình viết đơn ly hôn để gây áp lực cho chị. Chị còn tình cảm với anh Q và chị mong anh Q thay đổi để vợ chồng về đoàn tụ. Nếu anh Q cố tình đòi ly hôn chị thì chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện N chuyển hồ sơ đến Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội để giải quyết vì hiện nay chị đang tạm trú tại địa chỉ số 18 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về tố tụng, qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: xử ly hôn giữa anh Lương Ngọc Q và chị Đinh Thị G; về án phí đề nghị tuyên anh Lương Ngọc Q phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lương Ngọc Q và chị Đinh Thị G đều có hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện N, tỉnh N. Trong quá trình giải quyết chị G gửi đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy thành phố Hà Nội để giải quyết với lý do chị đang tạm trú tại số nhà 18 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Nhưng chị G cung cấp địa chỉ không rõ ràng, không đầy đủ nên Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy thành phố Hà Nội không xác định được chị G có tạm trú tại quận Cầu Giấy và chị G cũng không nộp bất cứ tài liệu chứng cứ gì để chứng minh hiện chị đang cư trú tại quận Cầu Giấy thành phố Hà Nội cho Tòa án nhân dân huyện N. Nay anh Q có đơn xin ly hôn chị G và yêu cầu Tòa án nhân dân huyện N giải quyết và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa chị Đinh Thị G vắng mặt, nhưng chị G đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai; vì vậy Tòa án nhân dân huyện N xét xử vắng mặt chị G là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa anh Lương Ngọc Q và chị Đinh Thị G được tổ chức kết hôn vào tháng 01/2016 là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh Q và chị G sống chung hòa thuận được thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không hợp tính nhau nên trong cuộc sống vợ chồng thường xảy ra cãi chửi nhau. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa anh Q và chị G không được cải thiện và từ tháng 10/2018 đến nay anh Q và chị G đã sống ly thân nhau. Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Q và chị G đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, nay anh Q xin ly hôn chị G nên chấp nhận là phù hợp. Xét việc chị G xin đoàn tụ với lý do vợ chồng còn trẻ, chưa chín chắn và chị vẫn còn tình cảm với anh Q thấy không có cơ sở nên yêu cầu của chị G không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Lương Ngọc Q và chị Đinh Thị G không có con chung và không yêu cầu xem xét giải quyết về con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản: Anh Lương Ngọc Q và chị Đinh Thị G không yêu cầu giải quyết về tài sản nên không đặt ra xem giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm anh Lương Ngọc Q phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án là phù hợp

Vì các lẽ trên

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 147; 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1- Xử ly hôn giữa anh Lương Ngọc Q và chị Đinh Thị G.

2- Án phí dân sự sơ thẩm anh Lương Ngọc Q phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh Lương Ngọc Q đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: BB/2012/06207 ngày 15/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Anh Lương Ngọc Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho anh Q biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Trần Xuân Dũng**

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND tỉnh N;
- VKSND H N;
- Chi cục THADS H N;
- UBND xã N;
- Lưu hò sơ.